



**Biểu số 5: BÁO CÁO THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC
CỦA DOANH NGHIỆP 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025**

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
XỔ SỐ KIẾN THIẾT HẢI DƯƠNG
MST: 0800011843

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phường Hải Dương, ngày 10 tháng 7 năm 2025

**BÁO CÁO THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC
CỦA DOANH NGHIỆP 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025**

I. HOẠT ĐỘNG CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY:

Thông tin về các nghị quyết, quyết định của Chủ tịch công ty liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, đấu thầu, mua sắm tài sản,...

**BẢNG SỐ 1: CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH QUAN TRỌNG CỦA
CHỦ TỊCH CÔNG TY**

TT	Số văn bản	Ngày	Nội dung (nêu tóm tắt nội dung chính của văn bản)
1	Số 15/KH-XSKT	10/01/2025	Kế hoạch rà soát, bổ sung quy hoạch lãnh đạo, quản lý cấp phòng, trạm năm 2025 (nhiệm kỳ 2021 - 2026)
2	Số 17/QĐ-XSKT	17/01/2025	Quyết định giao Kế hoạch kinh doanh năm 2025
3	Số 34/QĐ-XSKT	24/01/2025	Quyết định chuyển xếp lương đối với người lao động
4	Số 35/QĐ-XSKT	24/01/2025	Quyết định chuyển xếp lương đối với người quản lý
5	Số 38/TB-XSKT	24/01/2025	Thông báo công nhận bổ sung quy hoạch lãnh đạo, quản lý các phòng, trạm năm 2025 (nhiệm kỳ 2021 - 2026)
6	Số 46/TTr-XSKT	12/02/2025	Tờ trình phê duyệt kế hoạch 5 năm (2025 - 2030) của Công ty
7	Số 47/TTr-XSKT	12/02/2025	Tờ trình về việc điều chỉnh bổ sung vốn điều lệ của Công ty
8	Số 48/PA-XSKT	12/02/2025	Phương án sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển của Công ty
9	Số 59/QĐ-XSKT	26/02/2025	Quyết định phê duyệt danh mục mua sắm xe ô tô phục vụ công tác chung
10	Số 60/QĐ-XSKT	26/02/2025	Quyết định ban hành Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc của Công ty

11	Số 61/QĐ-XSKT	26/02/2025	Quyết định thành lập Hội đồng tiêu huỷ vé xổ số không tiêu thụ hết và không trúng thưởng của Công ty
12	Số 62/QĐ-XSKT	26/02/2025	Quyết định thành lập Hội đồng tiêu huỷ vé thưởng năm 2019 đã trả thưởng, hết thời hạn lưu trữ
13	Số 66/QĐ-XSKT	03/3/2025	Quyết định chỉ định đơn vị thẩm định giá mua xe ô tô phục vụ công tác chung
14	Số 67/QĐ-XSKT	03/3/2025	Quyết định thành lập Hội đồng thanh lý công cụ dụng cụ
15	Số 69/TTr-XSKT	03/3/2025	Tờ trình về việc phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2024 của Công ty
16	Số 70/TTr-XSKT	03/3/2025	Tờ trình về việc đề nghị phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty
17	Số 71/TTr-XSKT	03/3/2025	Tờ trình về việc đề nghị ban hành Quy chế quản lý tài chính của Công ty
18	Số 73/QĐ-XSKT	06/3/2025	Quyết định thành lập Tổ thẩm định dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua xe ô tô
19	Số 74/QĐ-XSKT	06/3/2025	Quyết định phê duyệt dự toán mua sắm xe ô tô phục vụ công tác chung
20	Số 77/QĐ-XSKT	10/3/2025	Quyết định phê duyệt lựa chọn nhà thầu dự toán: mua 01 xe ô tô phục vụ công tác chung
21	Số 85/QĐ-XSKT	13/3/2025	Quyết định phê duyệt kết quả chỉ định thầu gói thầu 02: Tư vấn lập HSMT và định giá HSĐT: Dự toán mua 01 xe ô tô phục vụ công tác chung
22	Số 103/TB-XSKT	01/4/2025	Thông báo bổ sung cập nhật thông tin doanh nghiệp
23	Số 104/TB-XSKT	01/4/2025	Thông báo đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh - Trạm XSKT huyện Cẩm Giàng
24	Số 105/TB-XSKT	01/4/2025	Thông báo đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh - Trạm XSKT huyện Gia Lộc
25	Số 106/TB-XSKT	01/4/2025	Thông báo đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh - Trạm XSKT Chí Linh
26	Số 131/TB-XSKT	22/4/2025	Báo cáo về việc rà soát chỉ tiêu tăng trưởng năm 2025
27	Số 167/QĐ-XSKT	06/6/2025	Quyết định thành lập Hội đồng xây dựng thang lương, bảng lương, phụ cấp lương
28	Số 177/TTr-XSKT	16/6/2025	Tờ trình về việc đề nghị chấp thuận mức lương cơ bản của người quản lý Công ty
29	Số 179/TTr-XSKT	17/6/2025	Tờ trình về việc phê duyệt quỹ tiền lương kế hoạch năm 2025
30	Số 184/TTr-XSKT	20/6/2025	Tờ trình về việc “giải thể Ban Giám sát xổ số ở cấp huyện, thành phố thuộc tỉnh”



31	Số 196/TTr-XSKT	27/6/2025	Tờ trình về việc điều chỉnh chỉ tiêu tăng trưởng năm 2025 đối với Công ty
32	Số 197/QĐ-XSKT	30/6/2025	Quyết định phê duyệt mức lương cơ bản đối với người quản lý Công ty

II. THÔNG TIN VỀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN:

BẢNG SỐ 2: THÔNG KÊ VỀ CÁC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

TT	Tên tổ chức, cá nhân	Thời điểm giao dịch	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch (triệu đồng)	Số NQ/QĐ của HĐQT/HĐQT/ĐHĐCĐ thông qua
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	(Không có)				

III. THÔNG TIN VỀ GIAO DỊCH GIỮA DOANH NGHIỆP VỚI CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC:

Thông tin về các giao dịch có giá trị từ 10% vốn chủ sở hữu trở lên của doanh nghiệp liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, đầu thầu... theo Bảng số 3.

BẢNG SỐ 3: THÔNG KÊ VỀ CÁC GIAO DỊCH CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Nội dung giao dịch	Đối tác giao dịch	Thời điểm giao dịch	Giá trị giao dịch (triệu đồng)	Số NQ/QĐ của HĐQT/HĐQT/ĐHĐCĐ thông qua
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Tất toán + Lãi của HĐTG số 02102024/6964082/HĐTG ngày 02/10/2024	Ngân hàng BIDV – CN Hải Dương	02/01/2025	2.091.922.904	HĐTG số 02102024/6964082/HĐTG ngày 02/10/2024
2	Gửi tiền vào TKTG theo HĐ số 02012025/6964082/HĐTG ngày 02/01/2025	Ngân hàng BIDV – CN Hải Dương	02/01/2025	2.091.922.904	HĐ số 02012025/6964082/HĐTG ngày 02/01/2025
3	Tất toán + Lãi TKTG số 05.2024/VCB.CLI-XSKTHD ngày 04/12/2024	Ngân hàng VCB – CN Chí Linh	04/03/2025	2.523.424.658	HĐ số 05.2024/VCB.CLI-XSKTHD ngày 04/12/2024
4	Gửi tiền vào TKTG theo HĐ số 01.2025/VCB.CLI-XSKTHD ngày 05/3/2025	Ngân hàng VCB – CN	05/03/2025	2.500.000.000	HĐ số 01.2025/VCB.CLI-XSKTHD ngày 05/3/2025

	XSKTHD ngày 05/3/2025	Chí Linh			
5	Tất toán + Lãi TKTG của HĐ số 09.2024/HĐTG/NHNo- XSKT ngày 09/12/2024	Ngân hàng Agribank – CN Hải Dương	09/3/2025	3.020.720.548	HĐ số 09.2024/HĐTG/NHNo- XSKT ngày 09/12/2024
6	Gửi tiền vào TKTG theo HĐ số 01.2025/HĐTG/NHNo- XSKT ngày 10/03/2025	Ngân hàng Agribank – CN Hải Dương	10/3/2025	3.000.000.000	HĐ số 01.2025/HĐTG/NHNo- XSKT ngày 10/03/2025
7	Tất toán + Lãi TKTG của HĐ số 09122024/6964082/HĐTG ngày 09/12/2024	Ngân hàng BIDV – CN Hải Dương	09/3/2025	2.423.811.129	HĐ số 09122024/6964082/HĐTG ngày 09/12/2024
8	Gửi tiền vào TKTG theo HĐ số 10032025/6964082/HĐTG ngày 10/03/2025	Ngân hàng BIDV – CN Hải D ương	10/3/2025	2.423.811.129	HĐ số 10032025/6964082/HĐTG ngày 10/03/2025
9	Tất toán và Lãi TKTG của HĐ số 060/2024/00128/HĐTG ngày 20/12/2024	Ngân hàng MBV – CN Hải Dương	20/3/2025	2.436.979.068	HĐ số 060/2024/00128/HĐTG ngày 20/12/2024
10	Gửi tiền vào TKTG theo HĐ số 060/2025/0030/HĐTG ngày 20/3/2025	Ngân hàng MBV – CN Hải Dương	20/3/2025	2.437.000.000	HĐ số 060/2025/0030/HĐTG ngày 20/3/2025
11	Tất toán + Lãi TKTG của HĐ số 10.2024/HĐTG/NHNo- XSKT ngày 20/12/2024	Ngân hàng Agribank – CN HD	20/3/2025	2.517.260.274	HĐ số 10.2024/HĐTG/NHNo- XSKT ngày 20/12/2024
12	Tất toán + Lãi TKTG của HĐ số 340/2024/86816 ngày 24/12/2024	Ngân hàng Vietinbank – CN HD	24/3/2025	3.023.671.233	HĐ số 340/2024/86816 ngày 24/12/2024
13	Gửi tiền vào TKTG theo HĐ số 340/2025/8413 ngày 25/3/2025	Ngân hàng Vietinbank – CN HD	25/3/2025	3.000.000.000	HĐ số 340/2025/8413 ngày 25/3/2025
14	Tất toán + Lãi TKTG của HĐ số 06.2024/VCB.CLI- XSKTHD ngày 19/12/2024	Ngân hàng VCB – CN Chí Linh	19/3/2025	2.018.739.726	HĐ số 06.2024/VCB.CLI- XSKTHD ngày 19/12/2024
15	Tất toán + Lãi TKTG của HĐ số 07.2024/VCB.CLI- XSKTHD ngày	Ngân hàng VCB – CN	26/3/2025	2.523.424.658	HĐ số 07.2024/VCB.CLI- XSKTHD ngày

	XSKTHD ngày 26/12/2024	Chí Linh			26/12/2024
16	Gửi tiền vào TKTG theo HĐ số 02.2025/VCB.CLI- XSKTHD ngày 27/3/2025	Ngân hàng VCB – CN Chí Linh	27/3/2025	2.500.000.000	HĐ số 02.2025/VCB.CLI- XSKTHD ngày 27/3/2025
17	Gửi tiền vào TKTG theo HĐ số 03.2025/VCB.CLI- XSKTHD ngày 28/3/2025	Ngân hàng VCB – CN Chí Linh	28/3/2025	2.000.000.000	HĐ số 03.2025/VCB.CLI- XSKTHD ngày 28/3/2025
18	Tất toán + Lãi TKTG của HĐ số 02012025/6964082/HĐTG ngày 02/1/2025	Ngân hàng BIDV – CN Hải Dương	02/4/2025	2.115.650.468	HĐ số 02012025/6964082/HĐTG ngày 02/1/2025
19	Gửi tiền vào TKTG theo HĐ số 02042025/6964082/HĐTG ngày 02/4/2025	Ngân hàng BIDV – CN Hải Dương	02/4/2025	2.115.650.468	HĐ số 02042025/6964082/HĐTG ngày 02/4/2025
20	Tất toán + Lãi tiền gửi của HĐTG số 01.2025/VCB.CLI- XSKTHD ngày 05/03/2025	Ngân hàng VCB – CN Chí Linh	05/6/2025	2.523.945.205	HĐ số 01.2025/VCB.CLI- XSKTHD ngày 05/3/2025
21	Gửi tiền vào TKTG theo HĐ số 04.2025/VCB.CLI- XSKTHD ngày 06/6/2025	Ngân hàng VCB – CN Chí Linh	06/6/2025	2.500.000.000	HĐ số 04.2025/VCB.CLI- XSKTHD ngày 06/6/2025
22	Tất toán + Lãi TKTG của HĐ số 01.2025/HĐTG/NHNo- XSKT ngày 10/3/2025	Ngân hàng Agribank – CN Hải Dương	10/6/2025	3.022.684.932	HĐ số 01.2025/HĐTG/NHNo- XSKT ngày 10/3/2025
23	Gửi tiền vào TKTG theo HĐ số 02.2025/HĐTG/NHNo- XSKT ngày 10/6/2025	Ngân hàng Agribank – CN Hải Dương	10/6/2025	3.000.000.000	HĐ số 02.2025/HĐTG/NHNo- XSKT ngày 10/6/2025
24	Tất toán + Lãi TKTG của HĐ số 10032025/6964082/HĐTG ngày 10/3/2025	Ngân hàng BIDV – CN Hải Dương	10/6/2025	2.451.303.124	HĐ số 10032025/6964082/HĐTG ngày 10/3/2025
25	Gửi tiền vào TKTG theo HĐ số 10062025/6964082/HĐTG ngày 10/6/2025	Ngân hàng BIDV – CN Hải Dương	10/6/2025	2.451.303.124	HĐ số 10062025/6964082/HĐTG ngày 10/6/2025
26	Tất toán + Lãi TKTG của	Ngân hàng	20/6/2025	2.462.798.816	HĐ số

	HĐ số 060/2025/0030/HĐTG ngày 20/3/2025	MBV – CN Hải Dương			060/2025/0030/HĐTG ngày 20/3/2025
27	Gửi tiền vào TKTG theo HĐ số 1508685451760 ngày 20/6/2025	Ngân hàng MBV – CN Hải Dương	20/6/2025	2.463.000.000	HĐ số 1508685451760 ngày 20/6/2025
28	Tất toán + Lãi TKTG của HĐ số 02.2025/VCB.CLI- XSKTHD Ngày 27/3/2025	Ngân hàng VCB – CN Chí Linh	27/6/2025	2.523.945.205	HĐ số 02.2025/VCB.CLI- XSKTHD Ngày 27/3/2025
29	Tất toán + Lãi TKTG của HĐ số 03.2025/VCB.CLI- XSKTHD ngày 28/3/2025	Ngân hàng VCB – CN Chí Linh	28/6/2025	2.019.572.603	HĐ số 03.2025/VCB.CLI- XSKTHD ngày 28/3/2025
30	Tất toán + Lãi TKTG của HĐ số 340/2025/8413 ngày 25/03/2025	Ngân hàng Vietinbank – CN HD	25/6/2025	3.024.197.260	HĐ số 340/2025/8413 ngày 25/03/2025
31	Gửi tiền theo HĐTG số 340/2025/20418 ngày 25/06/2025	Ngân hàng Vietinbank – CN HD	25/6/2025	3.000.000.000	HĐTG số 340/2025/20418 ngày 25/06/2025